

Số ~~264~~/BC.HĐND.BDT

Nghệ An, ngày 12 tháng 11 năm 2021

## BÁO CÁO

### **Kết quả giám sát “Việc thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyên giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An từ 2016 đến nay”**

Thực hiện Kế hoạch số 205/KH.HĐND.BDT ngày 22/9/2021, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đã tiến hành giám sát chuyên đề: “Việc thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyên giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An từ 2016 đến nay”. Tham gia đoàn giám sát có đại diện Sở Khoa học và Công nghệ và Ban Dân tộc tỉnh. Đoàn giám sát đã trực tiếp làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện: Kỳ Sơn, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ<sup>1</sup>. Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

## I. TÌNH HÌNH CHUNG

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) tỉnh Nghệ An chiếm 83% diện tích tự nhiên toàn tỉnh (13.745 km<sup>2</sup>), chiếm 53% số đơn vị hành chính cấp huyện (11 huyện, thị xã), có 252 xã, thị trấn; 1.339 thôn, bản, xóm; 27 xã biên giới thuộc 6 huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Thanh Chương và Quế Phong; tiếp giáp với các tỉnh Xiêng Khoảng, Bolykhamxay và Hủa Phăn nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào<sup>2</sup>, là vùng giàu tiềm năng phát triển kinh tế rừng, du lịch sinh thái, công nghiệp khoáng sản, xi-măng, thủy điện... tạo ra nhiều sản phẩm công nghiệp khác<sup>3</sup>.

Dân số vùng DTTS&MN có 374.673 hộ, 1.297.838 nhân khẩu, chiếm 37,6% số hộ, 38,9% số nhân khẩu toàn tỉnh. Trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) có 114.291 hộ, 491.295 nhân khẩu, chiếm 30,5% số hộ trong vùng, 14,7% số hộ

<sup>1</sup>Khảo sát mô hình trồng gừng của Hợp tác xã Nông nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Hương Sơn và mô hình nuôi gà đen xã Mường Lống (huyện Kỳ Sơn); mô hình nuôi cá lồng hộ gia đình ở xã Phú Sơn và mô hình chăn nuôi dê ở xã Giai Xuân (huyện Tân Kỳ); mô hình ứng dụng tiêu thụ năng lượng mặt trời của Hợp tác xã nông nghiệp 19/5, xã Nghĩa Lâm và Hợp tác xã nông nghiệp sản xuất dưa lưới ở xã Nghĩa Hồng (huyện Nghĩa Đàn); giám sát qua báo cáo đối với Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các huyện: Tương Dương, Quế Phong, Quỳ Châu, Thanh Chương, Anh Sơn, Con Cuông, Quỳ Hợp, Thị xã Thái Hòa.

<sup>2</sup>Với 468,281 km đường biên giới, có 01 cửa khẩu Quốc tế Nậm Cắn (Kỳ Sơn), 01 cửa khẩu quốc gia Thanh Thủy (Thanh Chương), 03 cửa khẩu phụ (Tam Hợp, Tương Dương, Thông Thụ, Quế Phong; Cao Vưu, Anh Sơn) và nhiều lối mòn, lối mở với nước bạn Lào; có 4 đường quốc lộ nối hành lang kinh tế Đông - Tây và đường Hồ Chí Minh.

<sup>3</sup>Có trên 1.685.061 ha đất lâm nghiệp, 789.787 ha rừng tự nhiên, 601.845 ha rừng trồng, 32.000 ha cây công nghiệp dài ngày; vườn quốc gia Pù Mát là khu vực dự trữ sinh quyển thứ 6 của Việt Nam với trên 2.500 loài thực vật, 130 loài động vật quý hiếm; là nơi có tính đa dạng về văn hóa dân tộc lớn nhất trong các khu dự trữ sinh quyển Việt Nam.

toàn tỉnh và chiếm 37,8% dân số vùng, 14,76 % dân số toàn tỉnh; có 39 DTTS cùng sinh sống trên địa bàn<sup>4</sup>.

Những năm qua, trên cơ sở khai thác các tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương thuộc vùng miền Tây Nghệ An<sup>5</sup>, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ vững ổn định các địa phương biên giới; chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN được Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, ban ngành, địa phương, đơn vị tích cực tổ chức triển khai, chỉ đạo cùng với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững, xây dựng Nông thôn mới; tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực những ngành, lĩnh vực có lợi thế của vùng, như kinh tế rừng, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, dược liệu, chăn nuôi gia súc, các sản phẩm đặc sản... Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) đã có những chuyển biến tích cực; nhiều đề án, dự án được nhân rộng và phát huy hiệu quả; việc đẩy mạnh triển khai ứng dụng KH&CN nhất là trong sản xuất nông nghiệp đã góp phần làm tăng năng suất, sản lượng, tăng chất lượng sản phẩm nhiều loại cây trồng, vật nuôi; góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS và Nhân dân trong vùng.

## II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Công tác tham mưu, tổ chức thực hiện

Từ năm 2016 đến nay, thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh<sup>6</sup> về chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh;

Trên cơ sở văn bản của Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 18 văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động nhiệm vụ KH&CN liên quan vùng của tỉnh<sup>7</sup>.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kịp thời tham mưu, ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai, chỉ đạo các đơn vị cơ sở phối hợp địa phương thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về ứng dụng KH&CN đến các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn: phổ biến các chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm tạo sản phẩm mới, nâng cao sức

<sup>4</sup>Có 05 DTTS có dân số đông hơn đó là: Thái, Thổ, Khe Mú, Mông, O Đu. Mật độ bình quân 40 người/km<sup>2</sup>. Năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS&MN giảm xuống còn 9,23%, tương ứng 34.570 hộ nghèo, chiếm 84,23% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh. Trong đó số hộ DTTS nghèo còn 29.659 hộ, chiếm 25,95% số hộ DTTS, chiếm 72,26 % số hộ nghèo toàn tỉnh (Báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ, tháng 10 năm 2021).

<sup>5</sup>Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị và Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020;

<sup>6</sup>Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 về một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An (thay thế Nghị quyết số 116/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013)

<sup>7</sup>Tỉnh ủy (01 văn bản chỉ đạo); Hội đồng nhân dân tỉnh (02 văn bản quy phạm pháp luật); Ủy ban nhân dân tỉnh (07 văn bản quy phạm pháp luật và 08 văn bản chỉ đạo).

cạnh tranh của sản phẩm; hàng hóa ở Nghệ An. Triển khai việc thực hiện đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp; tham gia chợ công nghệ - thiết bị, sự kiện kết nối cung cầu công nghệ - thiết bị, sản giao dịch công nghệ - thiết bị; thực hiện các dự án đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên môn về KH&CN nhằm phát hiện những bất cập, sai phạm để kịp thời khắc phục.

Đối với công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch, các ngành đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định, nhằm thực hiện triển khai các quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC) tiếp nối giai đoạn trước. Chủ trì xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Khu Lâm nghiệp ứng dụng CNC vùng Bắc Trung Bộ<sup>8</sup>. Đây là tiền đề để thúc đẩy ngành kinh tế lâm nghiệp, thúc đẩy chuỗi sản xuất nghề rừng mà phân vùng trọng điểm là rừng và đất rừng thuộc miền Tây Nghệ An.

Để triển khai thực hiện các chính sách, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020; chương trình khuyến nông vì người nghèo; chương trình OCOP; chương trình Nông thôn mới; chương trình 30a và 135 của Chính phủ; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên minh trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp<sup>9</sup> ... tổ chức các cuộc Hội thảo khoa học cấp tỉnh<sup>10</sup>. Trọng điểm hướng tới các đối tượng cây trồng vật nuôi của khu vực miền núi, nhằm phát huy thế mạnh về tài nguyên, con người đưa khu vực miền Tây Nghệ An phát triển trên cơ sở tiềm năng lợi thế đặc thù của vùng miền.

Ủy ban nhân dân các huyện, các đơn vị trên địa bàn vùng DTTS&MN tích cực chỉ đạo, triển khai các văn bản của Trung ương, của tỉnh và sở ngành về chính sách ứng dụng KH&CN tại địa phương; từng bước đưa các mô hình ứng dụng

<sup>8</sup>Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03/01/2018. Với các phân khu chức năng gồm: Trung tâm sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu sản xuất chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ ứng dụng công nghệ cao chuỗi sản xuất khép kín, chuyên môn hóa cao, sản xuất cung ứng các sản phẩm phụ trợ ngành gỗ và đào tạo nguồn lao động chất lượng cao cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Sản giao dịch kết hợp triển lãm giới thiệu gỗ nguyên liệu và các sản phẩm chế biến từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 31/3/2021.

<sup>9</sup>Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 3615/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh ban hành Danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Nghệ An; số 33/2019/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình; số 4255/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh về việc Quyết định ban hành danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Quyết định số 4027/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về Chương trình Khuyến nông tỉnh giai đoạn 2021-2025; Quyết định; Quyết định số 3826/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt "Đề án phát triển, mở rộng diện tích cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2030"; Tờ trình số: 2925/TT-SNN,QLKTKHCN ngày 22/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT (hiện đang chờ UBND tỉnh phê duyệt Đề án).

<sup>10</sup>Hội thảo khoa học về phát triển nhanh bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ" (năm 2019), "Hội thảo Khoa học cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc xác định cây con chủ lực của tỉnh Nghệ An" (năm 2020). Hoàn thiện "Đề án phát triển, mở rộng diện tích cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2021-2030" đã được Ban Thường vụ tỉnh ủy thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 9/2021 và đã hoàn thiện "Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030".

CNC vào trong sản xuất của các hợp tác xã, hộ gia đình và các vùng có điều kiện thuận lợi về vốn, về kiến thức và kinh nghiệm sản xuất.

## 2. Kết quả thực hiện

### 2.1. Các chương trình khoa học và công nghệ do Trung ương quản lý, chủ trì, thực hiện:

- Các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm

Tập trung nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến 2030; đề xuất cơ chế chính sách phát triển kinh tế trang trại; đánh giá tiềm năng, lợi thế và xác định cơ cấu sản phẩm chiến lược của tỉnh. Các mô hình, đề tài nghiên cứu từ nguồn kinh phí Trung ương triển khai tại địa bàn vùng DTTS&MN chủ yếu đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp: Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025; nghiên cứu về các giống cây trồng, vật nuôi mới; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (KH&CN) trong chăn nuôi, đem lại hiệu quả kinh tế và thu nhập cao hơn. Nhìn chung, các mô hình, đề tài triển khai đúng tiến độ, các chỉ tiêu cơ bản hoàn thành theo kế hoạch, hiệu quả tăng từ 15 - 20 % so với chăn nuôi đại trà, đã được nhân rộng ra vùng phụ cận và các địa phương khác.<sup>11</sup>

- Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi

Từ 2016 đến nay, vùng DTTS&MN đã và đang triển khai 06 dự án với tổng số kinh phí là 27.000 triệu đồng. Trong đó: có 02 dự án đã kết thúc và 04 dự án đang triển khai. Kết quả xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN có hiệu quả, có quy mô phù hợp với vùng DTTS&MN<sup>12</sup>. Các mô hình này chủ yếu liên kết với người dân để sản xuất.

- Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng Nông thôn mới:

Các ngành đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo định hướng các địa phương xây dựng các mô hình phát triển sản xuất và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đề xuất xây dựng các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; hỗ trợ nghiên cứu phát triển theo hướng phát huy tối đa lợi thế vùng miền

<sup>11</sup> Quyết định số 1641/QĐ-BKH&CN ngày 29/6/2015 về phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020, những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030, Số KH&CN đang thực hiện 02 đề tài: "Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Mù tòn tại tỉnh Nghệ An" và đề tài "Sản xuất thử nghiệm giống lợn xao va tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ"; Số Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp triển khai 06 mô hình: mô hình vỗ béo bò thịt trong nông hộ tại xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ; Mô hình cải tạo chất lượng đàn bò địa phương tại 2 xã: Thanh Phong, Thanh Lĩnh huyện Thanh Chương; Mô hình chăn nuôi gà Ri lai và gà xương đen, thịt đen thương phẩm tại các xã Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Thanh Xuân huyện Thanh Chương; Đề tài "Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen lợn Cò và lợn Mẹo tại huyện Nghĩa Đàn; Đề tài "Nghiên cứu các biện pháp an toàn sinh học đối với chăn nuôi lợn ở quy mô, cấp độ và phương thức khác nhau để phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại huyện Thanh Chương"; Dự án "Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình chuỗi giá trị sản xuất Bưởi đỏ tại Nghệ An" tại xã Thanh Đức, Thanh Chương và tại xã Tân Thắng, Quỳnh Lưu (Báo cáo Số NN&PTNT).

<sup>12</sup> Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 phê duyệt chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ Khoa học và Công nghệ thúc đẩy phát triển KT-XH nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 (gọi tắt là chương trình Nông thôn, miền núi); điển hình dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chuỗi giá trị sản xuất lúa Japonica trên địa bàn các huyện miền Tây tỉnh Nghệ An", đã làm chủ được 04 quy trình: Kỹ thuật sản xuất giống lúa nguyên chủng; Kỹ thuật sản xuất giống lúa xác nhận; Kỹ thuật thâm canh lúa chất lượng; Kỹ thuật thu hoạch và chế biến gạo thương phẩm; đào tạo được 10 kỹ thuật viên và 300 lượt người dân về kỹ thuật thâm canh, tổ chức sản xuất lúa thương phẩm quy mô 300 ha, sản lượng 1.786 tấn.

trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi: Xây dựng mô hình ứng dụng CNC trong sản xuất giống, bảo tồn các giống vật nuôi<sup>13</sup>. Tại địa bàn các xã biên giới đã ưu tiên phân bổ thêm từ nguồn vốn dự phòng trung hạn Chương trình Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 cho 27 xã biên giới để thực hiện một số cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh, hỗ trợ thêm nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện các mô hình phát triển sản xuất, sinh kế của người dân<sup>14</sup> tạo nhiều sản phẩm đặc sản địa phương vùng biên giới của tỉnh.

- Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia khác có tính chất phục vụ chung

Giai đoạn 2016-2020, Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trung ương chỉ hỗ trợ thực hiện 01 dự án đó là Dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm chanh leo Quế Phong, tỉnh Nghệ An”; đã tạo lập được nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm và giao cho huyện Quế Phong quản lý nhãn hiệu này<sup>15</sup>.

Hiện nay tại khu vực Miền Tây Nghệ An, có 07 dự án Trung ương đã và đang triển khai trên địa bàn, với kinh phí 33.812.000.000 đồng, chủ yếu đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp<sup>16</sup>. Trong đó, tổng đàn bò được nuôi ứng dụng CNC là 69.995 con (68.990 bò sữa được nuôi theo công nghệ Israel); Tổng đàn lợn được nuôi ứng dụng CNC là 87.375 con; Chăn nuôi trang trại có ứng dụng CNC trên 70 trang trại; Tổng diện tích nuôi cá nước ngọt có ứng dụng các tiến bộ KHKT là 27,5ha. Với tổng diện tích canh tác nông nghiệp ứng dụng CNC là 13.241,52ha /26.555,1 ha diện tích công nghệ cao toàn tỉnh, chiếm 50.13%.

## **2.2. Các chương trình khoa học và công nghệ cấp địa phương liên quan vùng dân tộc thiểu số và miền núi:**

Cùng với việc thực hiện các chính sách về KH&CN của Trung ương và của tỉnh<sup>17</sup>, hoạt động nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh, những năm qua ưu tiên cho các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn, y dược phục vụ phát triển kinh tế xã hội... Từ năm 2016 đến nay, tại 11 huyện, thị miền Tây Nghệ An đã và đang triển khai 48 đề tài, dự án KH&CN và 78 mô hình nhỏ với kinh phí 76.886.456.000 đồng, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp (cây trồng, vật nuôi, phát triển sản phẩm truyền thống...) và lĩnh vực khoa học và xã hội nhân văn, còn lĩnh vực y tế, công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường mỗi lĩnh vực 1 đề tài.

<sup>13</sup>Các mô hình đã được hỗ trợ như phát triển sản xuất tại các huyện miền núi hàng năm (nguồn sự nghiệp) được phân khai trực tiếp đến các xã, hợp tác xã để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân.

<sup>14</sup>Mô hình chanh leo nguyên liệu chế biến, chè, lợn đen, gà đen, trâu, bò địa phương, gừng, khoai sọ...

<sup>15</sup>Tuy nhiên, hiện nay do dịch hại trên cây rất nghiêm trọng không cho sản phẩm quả chanh leo nên nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm chanh leo Quế Phong chưa phát huy tác dụng.

<sup>16</sup>Chủ yếu sản xuất rau, củ quả; cây lâu năm, cây ăn quả; thức ăn chăn nuôi bò sữa; mía nguyên liệu, lúa; lợn, chanh leo, dược liệu... Danh mục CNC tại Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>17</sup>Quyết định số 6169/QĐ-UBND ngày 20/12/2010, phê duyệt Quy hoạch phát triển KT-XH miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020; Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 01/10/2014, về việc phê duyệt đề án “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội 4 huyện thuộc chương trình 30a vùng miền Tây Nghệ An giai đoạn 2014-2020; với 91 đề tài, dự án cấp tỉnh; gần 500 đề tài cấp cơ sở triển khai tại các trường, các ngành và 717 mô hình ứng dụng KH&CN tại các huyện đã và đang được triển khai từ năm 2016 đến nay.

*- Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, ứng dụng chuyển giao*

Trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực ứng dụng công nghệ và công nghệ thông tin, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất<sup>18</sup>; khuyến khích, hỗ trợ, kết nối người dân với doanh nghiệp để doanh nghiệp đóng vai trò nòng cốt trong chuỗi giá trị sản xuất. Các doanh nghiệp sau khi được công nhận đã tổ chức triển khai hiệu quả các dự án sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật; tổ chức nghiên cứu, tiếp thu ứng dụng các tiến bộ KHKT, công nghệ tiên tiến; hoàn thiện, đổi mới công nghệ, thiết bị phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa trên thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp.

Trong các hoạt động ứng dụng chuyển giao tiến bộ KHKT, tại các huyện và một số doanh nghiệp, người dân đã đầu tư kinh phí ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng các mô hình sản xuất; đã làm chủ được kỹ thuật nhân giống; triển khai một số nhiệm vụ KH&CN; kỹ thuật tưới, phòng trừ sâu bệnh hại, xây dựng nhiều mô hình bảo tồn, phát triển một số cây trồng, vật nuôi có giá trị tiềm năng thương mại, tạo thành sản phẩm hàng hóa<sup>19</sup>. Tập trung đào tạo tập huấn cho cán bộ Khuyến nông và cộng tác viên Khuyến nông, đội ngũ hoạt động và ứng dụng chuyển giao<sup>20</sup>; phối hợp với Hội Nông dân, Hội làm vườn, Hội kinh tế trang trại, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Tổng đội Thanh niên xung phong, Công ty TNHH... tập huấn các tiến bộ KHKT mới, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước cho đối tượng là nông dân vùng đặc biệt khó khăn, hội viên Hội phụ nữ, đoàn viên thanh niên các huyện miền núi<sup>21</sup>. Tổng kinh phí đã thực hiện từ các chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS&MN tỉnh Nghệ An từ năm 2016 đến nay là: 31.559.000.000 đồng.

*- Lĩnh vực khoa học - xã hội và nhân văn*

Hoạt động nghiên cứu lịch sử truyền thống của địa phương, ngành đã đóng góp cho quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử trên địa bàn tỉnh: khôi phục các lễ hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa; nghiên cứu sâu hơn về văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc trên địa bàn tỉnh như: văn hóa và ngôn ngữ người Ó Đu, Đan Lai; xây dựng tài liệu dạy học và phẩm mềm bộ gõ chữ Thái Lai - Tay,

<sup>18</sup>Công nghệ "Lọc Siphon hồ OFS kết hợp tấm lọc A/W block" đối với dự án xây dựng nhà máy nước huyện Nghĩa Đàn; Công nghệ sản xuất gỗ ván sợi MDF của Công ty Cổ phần gỗ MDF Nghệ An; có 3 doanh nghiệp nông nghiệp CNC: Công ty CP sữa Vinamilk Nghệ An, Công ty CP sữa TH true milk, Công ty TNHH mía đường NASU.

<sup>19</sup> như khoai sọ, xoài Tương Dương, Quế Quý, lúa chịu lạnh (lúa J02), dưa rầy, bí xanh, bí đỏ, chè san tuyết, bò Mông, trâu Na hỳ, gà đen, lợn Sao Va, lợn Móng, vịt Bầu Quý; trồng cây keo, cây mít, cây lùm... Đến nay đã xây dựng được chỉ dẫn địa lý gừng Kỳ Sơn, hương trầm Quý Châu, bò giồng Tương Dương, Kỳ Sơn... Hiện nay, do dịch hại nên diện tích trồng cây chanh leo giảm mạnh và không cho thu nhập đối với người trồng chanh leo nhưng hàng năm Công ty Cổ phần chanh leo Nafood sản xuất trên dưới 2 triệu cây giống chất lượng bán ra thị trường trong nước.

<sup>20</sup> Tổ chức được 3.910 lớp cho 273.700 lượt người tham gia. Kinh phí tập huấn là 9.445.135.000 đồng.

<sup>21</sup> Tổ chức 79 lớp, với 3.950 lượt học viên tham gia. Phối hợp với các dự án như Dự án JICA; Chương trình do ngân hàng BIDV đầu tư cho cán bộ, học viên thuộc các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong, Quý Châu (năm 2016) với kinh phí 243.360.000 đồng.

Lai - Pao; nghiên cứu các giải pháp bài trí thờ tự, sắp xếp đồ tế khí tại các di tích trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu những tác động của phong tục tập quán các đồng bào DTTS miền Tây Nghệ An; nâng cao hiệu quả hoạt động của các lễ hội; đưa địa phương học vào trong giáo dục trường học; nghiên cứu và ứng dụng tri thức địa phương của đồng bào. Tập trung các lĩnh vực ngăn ngừa, phòng chống tội phạm về ma túy; công tác đảm bảo an ninh trật tự, nhất là địa bàn các tuyến biên giới; giải pháp ngăn ngừa tội phạm có hiệu quả, hạn chế tai nạn giao thông, ngăn ngừa di, dịch cư trái phép; nâng cao chất lượng công tác tham mưu trong lực lượng công an và các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự vùng giáp ranh... Công tác phân biện khoa học đối với các cơ chế chính sách, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; Điều tra xã hội học cung cấp thông tin; dự luận xã hội phục vụ cho các cơ quan quản lý, phục vụ công tác giám sát, nắm bắt dư luận, đánh giá tác động các chính sách, phục vụ phát triển - kinh tế xã hội địa phương, góp phần tích cực trong công tác xoá đói giảm nghèo; từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS và Nhân dân trong vùng.

*- Lĩnh vực khoa học tự nhiên, y dược, nông nghiệp*

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đặt hàng nhiệm vụ KH&CN để tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện<sup>22</sup>. Đã ứng dụng thành công các biện pháp kỹ thuật: tưới nhỏ giọt cho cây ăn quả và mía; thâm canh lúa nước sử dụng phân viên nén dúi sâu; giải pháp bón đạm hợp lý cho lúa; luân canh, xen canh bắt buộc đối với canh tác mía, sản phẩm tăng giá trị trên 1 đơn vị diện tích và cải tạo đất; quy trình bón phân hợp lý cho cây chè trên nền tảng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng; xử lý tồn dư thuốc bảo vệ thực vật bằng chế phẩm sinh học Biogreen, thiết bị lọc nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình; Hoàn thiện quy trình sản xuất thử nghiệm các giống cây trồng, dược liệu, nhiều mô hình kinh tế phát triển có hiệu quả<sup>23</sup>.

Trên cơ sở điều tra đa dạng sinh học vùng Puxailaileng; vườn quốc gia Pù Mát; Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An đã đề xuất được danh mục các loài hiện có và các giải pháp bảo tồn, khai thác, bước đầu phát triển một số cây dược liệu, làm nền tảng để triển khai chương trình phát triển dược liệu và công nghiệp dược; phát triển đa dạng quỹ gen quý hiếm nhằm phát huy giá trị khu dự trữ sinh quyển Miền Tây Nghệ An<sup>24</sup>.

<sup>22</sup> Theo báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ, thực hiện các quyết định của tỉnh, không tích bạch các nhiệm vụ mà định hướng kêu gọi đề xuất nhiệm vụ phát huy tiềm năng lợi thế của vùng. Giai đoạn 2016-2020, tại 04 huyện 30a đã và đang thực hiện 10 dự án và 29 mô hình nhỏ với kinh phí 12.630.335.000 đồng.

<sup>23</sup> Mô hình trồng, sản xuất mía nguyên liệu, thâm canh đạt năng suất cao từ 100-120 tấn/ha, mô hình trồng và chế biến dược liệu của Công ty CP Dược liệu Pù Mát, Công ty cổ phần dược liệu Mường Lống, hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao một số khâu (các định giới tính giai đoạn phối giống; chuẩn đoán bệnh) của Công ty CP thực phẩm sữa TH; Vinamilk; mô hình trồng, khai thác và chế biến dược liệu...lan mokara cắt cảnh; Nghiên cứu quy trình sản xuất giống và thâm canh gấc, củ chua trái vụ...Tập trung nghiên cứu theo chuỗi sản phẩm như trà hoa vàng, chanh leo, lúa japonica, cam, chè, trầm đen, lạc, rau hữu cơ...

<sup>24</sup> Như: cây trà hoa vàng, cây Bombo, mướp đắng rừng, cà gai leo, giảo cổ lam, sâm Puxailaileng, cây Mú Tôm, đảng sâm, Lan Kim tuyến, cây Bày lá một hoa, Hà thủ ô đỏ. Sa nhân tím, Ba kích tím, Thiên niên kiện, Hà thủ ô đỏ, Đương quy Nhật Bản, trầm Úc lấy tinh dầu...

Ứng dụng các thành tựu công tác giống, tuyển chọn, nhân nhanh và thâm canh các giống có năng suất cao, chất lượng tốt... Một số mô hình ứng dụng công nghệ sinh học đã thành công và đang lan tỏa ra toàn tỉnh<sup>25</sup>.

Đẩy mạnh nuôi trồng, nâng cao hiệu quả khai thác và chế biến thủy sản: mô hình nuôi cá theo công nghệ sông trong ao; mô hình nuôi cá trong lồng trên các thủy vực lớn, xây dựng một số mô hình nuôi cá lồng. Đến nay trên lòng hồ thủy điện Khe Bô, Bản Vẽ, Hòa Na có gần 1.000 lồng, hàng năm nuôi được hàng trăm tấn cá nước ngọt chất lượng cung cấp thị trường trong huyện, trong tỉnh.

Trên nền tảng các sản phẩm có tác động KH&CN mà các ngành Công thương, Nông nghiệp tiếp tục hỗ trợ và tổ chức Hội đồng đánh giá, phân loại sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã mỗi sản phẩm (OCOP) để đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 56 sản phẩm công nhận sản phẩm đạt hạng 3 sao và 11 sản phẩm đạt hạng 4 sao. Đến nay đã có 159 sản phẩm truyền thống và đặc sản địa phương (84 sản phẩm chế biến và 75 sản phẩm cây trồng, vật nuôi) được tác động về KH&CN<sup>26</sup>. Thực hiện hỗ trợ dán tem truy xuất nguồn gốc, phát triển sản phẩm đặc hữu, vùng miền, tạo dựng thương hiệu cho sản phẩm nông sản Nghệ An; hợp tác xã nông nghiệp<sup>27</sup>.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Ưu điểm

Những năm qua, các chính sách, chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN của tỉnh ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ của hoạt động KH&CN, tập trung được trí tuệ của các tổ chức, đội ngũ trí thức, huy động các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế, các tầng lớp Nhân dân tham gia ứng dụng chuyển giao các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống. Đã hình thành, phát triển đội ngũ cán bộ phục vụ hoạt động ứng dụng, chuyển giao KH&CN tại các vùng nông thôn, vùng DTTS&MN. Cùng với việc chuyển giao thành công một số tiến bộ KHKT, CNC trong lĩnh vực y tế; công nghệ sinh học; hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới thiết bị, công nghệ, công nghệ thông tin, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, tham gia giải thưởng chất lượng và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Với hiệu quả đầu tư của các đề tài, dự án trên địa bàn tỉnh cao hơn so với

<sup>25</sup> Mô hình Lúa thuần, ngô, lạc, đậu, sắn, chè, mía, chanh leo, lúa thơm được, lúa Japonica, lợn, vịt trời; sản xuất giống và trồng Nấm ở huyện Tân Kỳ; ứng dụng công nghệ vi sinh chế biến thức ăn cho trâu, bò, lợn từ cây ngô, lá sắn ở huyện Thanh Chương, Anh Sơn; mô hình sản xuất các chế phẩm trong sản xuất phân bón; đệm lót sinh học trong chăn nuôi; chế phẩm để xử lý tồn dư hóa chất trên đất trồng rau...

<sup>26</sup> Thương hiệu Cam Vinh, nhãn hiệu tập thể Chè Nghệ An... Đến nay, việc dán tem điện tử truy xuất nguồn gốc được mở rộng cho trên 70 sản phẩm nông nghiệp của tỉnh như: các loại rau, củ, quả của tập đoàn TH; các sản phẩm nông sản sạch Phú Quý của Hợp tác xã Việt Xanh, huyện Nghĩa Đàn; gà Thanh Chương, dê Tân Kỳ... Huyện Quế Phong có gạo Japonica; huyện Quỳnh Châu có hương trầm; huyện Kỳ Sơn có gừng; huyện Anh Sơn có chè Gay.

<sup>27</sup> Cấp văn bằng bảo hộ: 02 chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gừng Kỳ Sơn và mở rộng chỉ dẫn địa lý Vinh cho sản phẩm cam quýt và đang tiến hành xác lập chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm trà hoa vàng Quế Phong; 03 nhãn hiệu chứng nhận dê Tân Kỳ, Chanh leo Quế Phong, Rau An toàn Anh Sơn; 21 nhãn hiệu tập thể Chè Nghệ An, gà Thanh Chương, hương trầm Quỳnh Châu, bò Nghĩa Đàn, cam Con Cuông, mật ong Tây Hiếu, gạo Mường Nọc, bò giàng Tương Dương ...



bình quân chung của cả nước đã góp phần quan trọng trong việc thay đổi và tạo phong cách, phương thức làm việc mới, nâng cao hiệu quả hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển một số sản phẩm hàng hóa chủ lực, chuyển đổi cơ cấu, mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp vùng DTTS&MN, từng bước làm thay đổi phong tục tập quán, phương thức sản xuất lạc hậu của đồng bào; tiến tới xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất khép kín, cung cấp cho thị trường nội địa, xuất khẩu, đăng ký bản quyền sản phẩm góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân trong vùng, đặc biệt có ý nghĩa thiết thực trong công tác xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới của đồng bào DTTS&MN.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế:**

- Việc triển khai một số chính sách hỗ trợ về KH&CN đối với vùng DTTS&MN còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ, chỉ tiêu kế hoạch đề ra; chưa nhân rộng được nhiều kết quả nghiên cứu, vẫn còn đề tài, dự án hiệu quả thấp; hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp còn chậm, chưa có nhiều sản phẩm chất lượng cao có thương hiệu.

- Nguồn nhân lực KH&CN mặc dù được nâng lên, nhưng còn một số lĩnh vực chất lượng, sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học...chưa đáp ứng được yêu cầu; thiếu cán bộ đầu ngành, chuyên gia kỹ thuật và kỹ sư giỏi; doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực KH&CN còn rất ít và hạn chế. Việc phối hợp, tham mưu chương trình KH&CN cấp quốc gia, những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc; việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng DTTS & MN để phục vụ công tác dự báo, dự tính, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc của tỉnh chưa được quan tâm đúng mức.

- Nguồn kinh phí để bố trí cho việc xây dựng mô hình, dự án về KH&CN (các dự án thực nghiệm, ứng dụng) hiện nay còn hạn chế. Nhiều mô hình không duy trì và nhân rộng được sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư; huy động nguồn lực xã hội vào công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN còn thấp. Một số đơn vị ứng dụng KH&CN ở tuyến huyện, hợp tác xã, hộ gia đình chưa tốt, thiếu trang thiết bị chuyên sâu để phát triển kỹ thuật nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp, bổ sung.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách các mô hình vùng DTTS&MN của tỉnh chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao, nhiều đơn vị cơ sở và hộ gia đình chưa cập nhật đầy đủ thông tin chính sách ứng dụng KH&CN, việc tiếp cận các dịch vụ về KH&CN của đồng bào DTTS còn hạn chế; Khâu quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa và tính liên kết giữa sản xuất với thị trường còn chưa được

chú trọng, vị thế, giá trị sản phẩm của đồng bào làm ra còn thấp, khả năng cạnh tranh trên thị trường chưa cao.

- Số lượng lớp đào tạo, tập huấn hàng năm được phân bổ cho các địa phương miền núi còn ít; tuy có sự đổi mới nhưng chương trình tập huấn còn nặng về nội dung lý thuyết, các thời lượng dành cho các nội dung thực hành, tham quan thực tế còn hạn chế.

## **2.2. Nguyên nhân:**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành và một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự sát sao, chăm lo để triển khai hiệu quả chính sách trên địa bàn DTTS&MN. Sự phối hợp của các ngành, chính quyền địa phương trong tuyên truyền, triển khai chưa thực sự chặt chẽ; công tác kiểm tra, giám sát của các cấp quản lý, của ngành đối với địa bàn miền núi, vùng đặc biệt khó khăn chưa thường xuyên, kịp thời.

- Các quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đời sống; ương tạo các công nghệ chưa cụ thể, tập trung cho một đầu mối; kinh phí sự nghiệp đầu tư cho ứng dụng KH&CN hiện nay chủ yếu vẫn lấy từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Nguồn ngân sách phân bổ cho ngành KH&CN còn hạn chế; bố trí nhiệm vụ cán bộ KH&CN ở địa phương còn bất cập, chưa có các chuyên gia đầu ngành, chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực quản lý, kỹ thuật chuyên ngành, đặc biệt là CNC như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, tự động hóa...

- Vùng DTTS&MN có vị trí địa lý, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn. Trình độ dân trí chưa đồng đều, kiến thức sức khỏe, đời sống, vai trò cầu nối giữa các nhà khoa học với thực tiễn sản xuất; tính tích cực, chủ động nắm bắt về chính sách ứng dụng KH&CN của đồng bào còn hạn chế.

## **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương**

- Đề nghị Chính phủ giao các Bộ, Ngành Trung ương nghiên cứu, tham mưu tích hợp chính sách đầu tư ứng dụng KH&CN; quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho hoạt động KH&CN. Quy định về xử lý vi phạm, nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật, bổ sung cơ chế kiểm soát dịch vụ KH&CN.

- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ bố trí ngân sách hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp để đầu tư cho ứng dụng KH&CN của tỉnh Nghệ An đảm bảo các mục tiêu đề ra; chỉ đạo tháo gỡ trong thực hiện các dự án tại các địa phương được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

## 2. Đối với UBND tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước, giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng DTTS & MN để phục vụ công tác dự báo, dự tính, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc của tỉnh; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động KH&CN, thực hiện mục tiêu kép để ổn định tình hình và phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN trong giai đoạn hiện nay.

- Chỉ đạo các sở, ngành, các huyện miền núi, các đơn vị liên quan nghiên cứu tích hợp, lồng ghép, ban hành quy định thống nhất sử dụng nguồn kinh phí cho các hoạt động có tính chất ứng dụng tiến bộ KH&CN từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu...vào tổ chức thực hiện các dự án thành phần, đặc biệt dự án 3, tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; để tập trung nguồn lực cho việc nhân rộng các mô hình KH&CN đã được khẳng định tại địa bàn vùng DTTS&MN.

- Có cơ chế hỗ trợ đầu tư cho một số đơn vị ứng dụng tiến bộ KH&CN có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nghiên cứu triển khai, ứng dụng một số công nghệ phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của các huyện miền Tây Nghệ An; tăng mức đầu tư kinh phí cho hoạt động KH&CN ở địa bàn miền núi; ưu tiên bố trí đủ kinh phí đầu tư phát triển KH&CN trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho một số dự án sớm đi vào hoạt động đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt như: Dự án xây dựng các Trạm đo lường chất lượng khu vực tại các huyện Con Cuông và thị xã Thái Hòa; Dự án Đầu tư xây dựng Công viên lưu giữ và bảo tồn nguồn gen tại Trạm nghiên cứu khoa học và CNC thị xã Thái Hòa.

## 3. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Tăng cường công tác tham mưu, chỉ đạo, phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về ứng dụng KH&CN đến các ngành, địa phương và người dân vùng DTTS&MN; đảm bảo việc tiếp cận thông tin về chính sách, quyền lợi và lợi ích đến với mỗi người dân. Nghiên cứu, tham mưu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng DTTS&MN để phục vụ công tác dự báo, dự tính, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc của tỉnh;

- Tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, gắn với hoạt động chuyển giao và ứng dụng KH&CN, công nghệ cao trong nhân dân, doanh nghiệp

đặc biệt tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường công tác kiểm tra việc kiểm định chất lượng, chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường của các doanh nghiệp sản xuất; kiểm tra, giám sát, hỗ trợ về chuyên môn, việc thực hiện kết nối các nhà đầu tư, các doanh nghiệp...kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm (nếu có).

- Phối hợp kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn hỗ trợ, nhiệm vụ chi ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh; giải quyết các vướng mắc về chế độ hỗ trợ từng dự án, từng thương hiệu và từng sản phẩm của vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thực hiện định mức hỗ trợ đối với các dự án, mô hình thực nghiệm ứng dụng phù hợp thực tiễn và quy định.

- Tăng cường công tác phối hợp KH&CN về quản lý đối tượng thụ hưởng các chính sách; về hỗ trợ thương hiệu và nhãn hiệu của từng sản phẩm; cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi trong việc nhân rộng mô hình, dự án. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, kịp thời tham mưu danh mục đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn tiếp theo đối với các mô hình có quy mô lớn; quan tâm đối với các mô hình nhỏ để nâng cấp thành mô hình lớn, phổ biến nhân rộng các mô hình đại trà có hiệu quả tại địa bàn miền núi.

- Khắc phục việc dàn trải trong đầu tư xây dựng các mô hình; tập trung chỉ đạo thành công mô hình phát triển kinh tế gắn sản xuất với thị trường, đảm bảo tính bền vững, khả năng nhân rộng của mô hình.

#### **4. Đối với UBND các huyện miền núi**

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực KH&CN; xây dựng hệ thống dữ liệu quản lý chính sách công tác dân tộc đảm bảo theo yêu cầu của các chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia; chỉ đạo, thực hiện, đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về KH&CN trên địa bàn để người dân hiểu rõ quyền lợi thiết thực trong việc nhận hỗ trợ từ chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh của các cơ sở, doanh nghiệp tư nhân lĩnh vực dịch vụ KH&CN; đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Khoa học và Công nghệ. Phát hiện, tạo điều kiện thuận lợi, phối hợp tham mưu để phát triển và nhân rộng mô hình của địa phương; rà soát đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng chính sách được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ từ chương trình KH&CN, tổng hợp thông tin chính xác, kịp thời; kiểm tra chất lượng công tác đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa cho nhân dân tại các địa phương miền núi.

- Quan tâm bố trí, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật về kỹ năng tay nghề, năng lực quản lý, vận hành công nghệ... Chỉ đạo cơ sở chủ động, linh hoạt trong việc bố trí cộng tác viên hoạt động hiệu quả, phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể tại từng địa phương; giải quyết các vướng mắc, tồn tại trong thực hiện chính sách hỗ trợ ứng dụng KH&CN trên địa bàn, kịp thời tham mưu với cấp có thẩm quyền xem xét xử lý.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN tỉnh Nghệ An từ 2016 đến nay. Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét. / *Đào*

**Nơi nhận:** *Đ*

- VP Chính phủ, Bộ KH&CN, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo chuyên trách các Ban; CVP, Phó CVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở KH&CN, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính;
- Thường trực HĐND, UBND; Ban DT, KT-XH HĐND các huyện miền núi và các đơn vị được giám sát;
- Trưởng và Phó Trưởng các phòng;
- CV phòng CT HĐND;
- Lưu: VT.

**TM. BAN DÂN TỘC  
TRƯỞNG BAN**



**Lô Thị Kim Ngân**

